

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 510/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/03/2023

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Phước;
- Ông Nguyễn Cửu Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 2953/2022/TLST- HNGĐ ngày 22/11/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 442/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/02/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thanh H, sinh năm: 1990 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: 21B đường L, Phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

Địa chỉ tạm trú: 57/19 Đường số T, phường K, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Hồng T, sinh năm: 1988 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

Địa chỉ tạm trú: 57/19 Đường số T, phường K, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nguyên đơn bà Trần Thanh H khởi kiện cho rằng: Bà H và ông Phạm Hồng T tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2020, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận ngày 17/01/2020. Đời sống hôn nhân giữa hai bên không hạnh phúc như mong đợi, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính là do ông T không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Bà H xác định đã phát hiện nhiều lần ông T ngoại tình nhưng đã bỏ

qua, hiện tại không có chứng cứ cụ thể của những lần ông T ngoài tình để nộp cho Tòa án. Cùng nhiều nguyên nhân mâu thuẫn khác giữa hai bên đó là mâu thuẫn tài chính giữa hai bên, mâu thuẫn tài chính giữa bà H với gia đình bên chồng. Ngoài các nguyên nhân mâu thuẫn chính như trên, bà H xác định mâu thuẫn chủ yếu nhất là vợ chồng không còn tình cảm, không yêu thương, quan tâm và chia sẻ. Hai bên sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không bên nào quan tâm, chia sẻ cho nhau, hai bên đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Nhiều lần bà H cho ông T cơ hội để sửa đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Đến nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài. Do vậy bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống về sau. Bà Trần Thanh H xác định trong thời kỳ hôn nhân với ông T hai bên có một người con chung tên Phạm Trần Gia Hân, sinh ngày 03/11/2020 hiện tại đang do bà H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, yêu cầu Tòa án giải quyết sau khi ly hôn giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, bà H xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung bà H xác định không có.

(2) Bị đơn ông Phạm Hồng T xác nhận và thống nhất với nguyên đơn về con chung, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và của cả thời kỳ hôn nhân của hai bên. Ông T xác định đời sống hôn nhân giữa hai bên là không hạnh phúc, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, là những mâu thuẫn đời thường giữa vợ chồng. Tuy nhiên, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu đó là bà Trần Thanh H vô tâm, lạnh nhạt với chồng, nhiều lần ông T muốn hàn gắn tình cảm nhưng bà H không đồng ý, hai bên đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Vì thương con con nhỏ, ông T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H, đề nghị hai bên tiếp tục sống ly thân để nuôi dạy con cho đến ngày khôn lớn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông T có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung ông T xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

(3) Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Trần Thanh H giữ nguyên ý kiến đã trình bày và yêu cầu khởi kiện như trên. Bị đơn ông Phạm Hồng T giữ nguyên ý kiến như trên.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Tình trạng hôn nhân giữa hai bên mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, các bên đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung các đương sự xác định không có, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Hồng T là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm Tòa án đang thụ lý giải quyết

vụ kiện, bị đơn ông Phạm Hồng T đang cư trú trên địa bàn thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02/2020 đăng ký ngày 17/01/2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận có cơ sở xác định giữa bà Trần Thanh H và ông Phạm Hồng T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính giữa hai bên là do hai bên không còn tình cảm, thiếu sự tôn trọng, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Xét thấy, hai bên không còn tình cảm, không yêu thương, chia sẻ, làm cho đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được. Tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Thanh H và ông Phạm Hồng T thuộc trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Căn cứ vào bản sao khai sinh số 375 do Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đăng ký ngày 09/12/2020, có cơ sở xác định bà Trần Thanh H và ông Phạm Hồng T có người con chung tên Phạm Trần Gia Hân, sinh ngày 03/11/2020. Nhận thấy, con chung tên Phạm Trần Gia Hân, có giới tính là nữ, dưới 36 tháng tuổi, hiện nay đang do bà Trần Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, việc giao con cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng được nuôi con của người mẹ và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Trần Thanh H về việc không yêu cầu ông Phạm Hồng T cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung*: Bà Trần Thanh H và ông Phạm Hồng T cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] *Về nợ chung*: Bà Trần Thanh H và ông Phạm Hồng T cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc nguyên đơn bà Trần Thanh H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thanh H được ly hôn với ông Phạm Hồng T.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Phạm Trần Gia Hân, sinh ngày 03/11/2020 cho bà Trần Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không bên nào có quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thanh H về việc không yêu cầu ông Phạm Hồng T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà Trần Thanh H và ông Phạm Hồng T cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Trần Thanh H và ông Phạm Hồng T cùng xác định giữa hai bên không có nợ chung.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Trần Thanh H phải nộp theo quy định. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0006961 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thanh H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- CCTHADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Cao Văn Thiên